TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày: 03/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Văn

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 92/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị L**; tên gọi khác: Không, sinh năm 1985, tại huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn S, xã L (Hiện nay là thị trấn N), huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ ;Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn L1 và bà Nguyễn Thị Kim T ; Có chồng: Dương Văn T1 và 02 con Tiền án; Tiền sự: không.

Lịch sử bản thân: Tại Bản án số 21/2016/HS-ST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt Trần Thị L 15.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 13.742.000đồng và án phí HSST 200.000 đồng. Ngày 07/10/2021 bị cáo L đã chấp hành xong toàn bộ đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/9/2024 cho đến nay. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đỗ Thị Thu H- sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn A, xã V (Hiện nay là thị trấn N), huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt).

Người làm chứng:

- Anh Dương Văn T1 sinh năm 1979; (Vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Kim T sinh năm 1960; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Lưu cư trú tại thôn S, xã L (hiện nay thi trấn N), huyện N, tỉnh Ninh Bình và làm nghề lao động tự do. Lưu không công tác hoặc có chức vụ gì thuộc các tổ chức tín dụng hay công ty tài chính, không có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực cho vay kinh doanh tiền tệ xong do quen biết với chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1991, trú tại thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đang có nhu cầu vay tiền nên L đã nảy sinh ý định cho chị H vay với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay (vượt quá 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự) để thu lợi bất chính. Việc Trần Thị L cho chị H vay được thực hiện bằng hợp đồng miệng, chị H không cần phải thế chấp tài sản gì. Trần Thị L sử dụng công cụ, phương tiện là chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím (số sêri: F2X96361M7, số IMEI 1: 352872337642793, số IMEI 2: 352872336341397) lắp sim thuê bao số: 0326.311.985 và 0379.815.973 để đăng nhập vào ứng dụng chuyển tiền ngân hàng có tên VCB D1 và sử dụng số tài khoản 1029238896 mở tại ngân hàng V để chuyển khoản số tiền gốc vay cho chị H và nhận tiền lãi từ chị H trả cho L. Trước khi cho vay, Trần Thị L và chị H đã thỏa thuận với nhau về mức lãi suất như đã nêu trên và tính số ngày vay lãi theo tháng, mỗi 01 tháng được tính tròn là 30 ngày chẵn *(không tính theo tháng có 28, 29 ngày hoặc 31 ngày)*. Số tiền thu lời bất chính Trần Thị L đã chiếm hưởng là số tiền lãi mà L đã thực thu của người vay trừ đi số tiền lãi theo quy định của Nhà nước mà L được hưởng.

Việc bị cáo Trần Thị L đã cho chị Đỗ Thị Thu H vay lãi nặng có diễn biến cụ thể như sau:

- Khoản vay thứ nhất: Ngày 24/3/2024, Trần Thị L đã cho chị Đỗ Thị Thu H vay tổng số tiền 200.000.000đồng (với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày). Trong đó: L sử dụng số tài khoản mở tại Ngân hàng của mình nêu trên để chuyển đến số tài khoản 4830618926 mở tại ngân hàng B của chị H số tiền là: 140.000.000đồng; còn lại 60.000.000đồng thì chị H đến nhà L để lấy tiền mặt.

Sau khi vay, trong thời gian thỏa thuận 01 tháng (30 ngày), ngày 24/4/2024 chị H đã trả tiền gốc vay cho L được số tiền 100.000.000 đồng và trả tiền lãi vay cho L số tiền là 30.000.000 đồng. Sau đó, do chị H làm ăn thua lỗ, bí bách về tài chính nên đã thỏa thuận với Lưu không phải trả lãi suất đối với khoản vay trên nữa, đồng thời xin L trả dần số tiền gốc vay còn lại thì L đồng ý. Từ sau khi L và chị H thỏa thuận không tính lãi nữa thì chị H đã trả được thêm cho L số tiền gốc vay là 73.200.000 đồng. Lúc này, tổng số tiền gốc vay mà chị H đã trả cho L là 173.200.000đồng. Số tiền gốc còn lại của khoản vay trên là 26.800.000đồng, đến nay chị H chưa trả cho L.

Như vậy, mức lãi suất vay cao nhất mà L được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền cho vay trên, là số tiền 3.287.671 đồng. Đối trừ số tiền lãi thực tế mà chị H đã trả cho L theo thỏa thuận, xác định được số tiền mà L đã thu lời bất chính của chị H (30.000.000 đồng - 3.287.671 đồng) là **26.712.329 đồng**.

- Khoản vay thứ hai: Ngày 31/3/2024, Trần Thị L đã cho chị Đỗ Thị Thu H vay tổng số tiền 200.000.000đồng (với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày). L đã sử dụng số tài khoản mở tại Ngân hàng của mình nêu trên để chuyển số tiền 200.000.000đồng đến số tài khoản 4830618926 mở tại ngân hàng B của chị H.

Sau khi vay, trong thời gian thỏa thuận 01 tháng (30 ngày), ngày 30/4/2024 chị H đã trả lãi cho L số tiền là 30.000.000 đồng. Sau đó, do chị H làm ăn thua lỗ, bí bách về tài chính nên đã xin Lưu không phải trả lãi suất đối với khoản vay trên nữa, đồng thời xin L trả dần tiền gốc còn lại thì L đồng ý. Quá trình điều tra xác định, đến nay chị H chưa trả số tiền gốc vay 200.000.000đồng cho L.

Như vậy, mức lãi suất vay cao nhất mà L được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền cho vay trên, là số tiền 3.287.671 đồng. Đối trừ số tiền lãi thực tế mà chị H đã trả cho L theo thỏa thuận, xác định được số tiền mà L đã thu lời bất chính của chị H (30.000.000 đồng - 3.287.671 đồng) là **26.712.329 đồng**.

Đến ngày 15/9/2024, Công an huyện N, tỉnh Ninh Bình nhận được đơn của người dân tại xã L, huyện N tố giác Trần Thị L về hành vi cho vay lãi nặng nên đã tiến hành xác minh, triệu tập L lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, L đã thừa nhận về hành vi cho vay lãi nặng đối với chị Đỗ Thị Thu H như đã nêu trên. Đồng thời L đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nho Quan 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím (số sêri: F2X96361M7, số IMEI 1: 352872337642793, số IMEI 2: 352872336341397) lắp sim thuê bao số: 0326.311.985 và 0379.815.973. Lưu xác định đây là công cụ, phương tiện mà L đã

sử dụng để thực hiện việc giao dịch chuyển tiền vay cho chị H và nhận tiền lãi do chị H trả trong thời gian trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thu giữ chiếc điện thoại, lắp các sim nêu trên của L và niêm phong vào 01 phong bì theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, tổng số tiền Trần Thị L đã cho Đỗ Thị Thu H vay là 400.0000.000 đồng để thu lời bất chính số tiền là **53.424.658 đồng**

Tại bản Cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 21/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan truy tố bị cáo Trần Thị L về tội "Cho vạy lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo khoản 1, khoản 3 Điều 201của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Thị Lưu Đ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 điều 201; điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS; Đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Thị L từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước

Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 468 Bộ luật dân sự

Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Trần Thị L phải nộp lại khoản tiền gốc mà chị Đỗ Thị Thu H đã trả cho bị cáo là 173.200.000đ (một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của chị Đỗ Thị Thu H là và số tiền lãi theo quy định là 6.575.342 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Chị Đỗ Thị Thu H chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo Trần Thị L phải nộp lại khoản tiền gốc là 226.800.000đ (Hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thị L phải trả lại cho chị Đỗ Thị Thu H khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo L thực tế đã thu của anh D là 53.424.658 đồng (Năm mươi ba triệu, bốn trăm hai tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 01 vỏ phong bì để đựng 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Promax.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Promax, số IMEI 1: 352872337642793, Số IMEI 2: 352872336341397, lắp 01 sim số 0326.311.985 và 0379.815.973(đã qua sử dụng). Chi tiết như biên bản giao nhận giữa cơ quan công an huyện N và Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nho Quan ngày 22 tháng 11 năm 2024.

-Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/3/2024 đến ngày 31/3/2024 tại thôn S, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình, bị cáo Trần Thị L đã cho Đỗ Thị Thu H vay tổng số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất cao gấp hơn 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính số tiền 53.424.658 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị L và đối chiếu với nội dung bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị L đã phạm tội

“ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

……..

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị L là nguy hiểm cho xã hội, đã không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người dân cần tiền để cho vay với lãi suất cao hơn 182,5%/ năm so với mức lãi suất quy định của Bộ luật dân sự nhằm thu lợi bất chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Gia đình bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ, bà ngoại là bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về các biện pháp tư pháp:

Về việc xử lý đối với số tiền gốc và tiền lãi giữa bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Đối với số tiền gốc bị cáo L cho chị Đỗ Thị Thu H vay 400.000.000đ; số tiền vay gốc của chị H đã trả cho bị cáo 173.200.000 đồng số tiền trên là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước; Đối với số tiền gốc bị cáo L đã cho chị H vay số tiền 226.800.000 đồng chị H chưa trả cần buộc chị H nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với 20%/năm là 6.575.342đồng là tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước; Do đó, buộc bị cáo L phải nộp tổng số tiền gốc 173.200.000đ và lãi trong hạn là 6.575.342đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi trên 20%/ năm là 60.000.000 đồng – 6575.342 đồng= 53.424.658 đồng cần trả lại cho chị H vì theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 mức lãi suất vượt quá giới hạn quy định không có hiệu lực, tại phiên tòa Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền 53.424.658 đồng cho chị Đỗ Thị Thu H.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím lắp sim 0326.311.985 thu giữ của bị cáo Trần Thị L, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại L sử dụng để chuyển khoản tiền vay với chị Đỗ Thị Thu H và thu tiền lãi qua ứng dụng Internet Banking đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung và ngân sách Nhà nước.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Trần Thị Lưu 8 (T2 mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Trần Thị L phải nộp lại khoản tiền gốc mà chị Đỗ Thị Thu H đã trả cho bị cáo là 173.200.000đồng (một trăm bẩy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của chị Đỗ Thị Thu H là và số tiền lãi theo quy định là 6.575.342 đồng (Sáu triệu năm trăm bẩy mươi năm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Chị Đỗ Thị Thu H chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo Trần Thị L phải nộp lại khoản tiền gốc là 226.800.000đ (Hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thị L phải trả lại cho chị Đỗ Thị Thu H khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo L thực tế đã thu của chị H là 53.424.658 đồng (Năm mươi ba triệu, bốn trăm hai tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 vỏ phong bì để đựng 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Promax.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01chiếc điện thoại Iphone 14 Promax, số IMEI 1: 352872337642793, Số IMEI 2: 352872336341397, lắp 01 sim số 0326.311.985 và 0379.815.973(đã qua sử dụng). Chi tiết như biên bản giao nhận giữa cơ quan công an huyện N và Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nho Quan ngày 22 tháng 11 năm 2024.

4. Về án phí; Buộc bị cáo Trần Thị L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*)

5. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- Công an huyện Nho Quan;
- Chi cục THA.DS huyện Nho Quan;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu (Hồ sơ, VP);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lâm Thị Thanh N